

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khúc Thị Minh

2. Ông Phạm Văn Kho

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thanh D, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn 7, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đào Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 19 tháng 3 năm 2018 và bản tự khai ngày 16 tháng 4 năm 2018 chị D trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Đào Văn T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K, Hải Phòng ngày 28 tháng 3 năm 2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 tháng. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2016 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong làm ăn

kinh tế và quan hệ bạn bè. Anh T sống không chung thủy, không có trách nhiệm đến cuộc sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù chị cố gắng sống chịu đựng để cùng gia đình, thôn xóm khuyên giải để anh T thay đổi cách sống, vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đào Văn T đã trình bày tại bản tự khai ngày 16 tháng 4 năm 2018: Thống nhất với chị D về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2016 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè và xã hội. Chị D nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng thực tế không phải. Anh đã nhiều lần giải thích nhưng chị D không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Gia đình, thôn xóm đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng trở lại đoàn tụ nhưng không thành. Chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị D xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ với chị D.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng theo lời trình bày và yêu cầu của chị D. Tòa án đã xác minh và tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp và hòa giải; giấy triệu tập; thông báo kết quả phiên họp của Tòa án cho anh T. Anh T đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng nêu trên nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đào Văn V là bố đẻ anh T để giao lại cho anh T. Anh T đã nhận đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 tháng, đến tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Anh T sống không chung thủy, không có trách nhiệm đến cuộc sống chung. Mặc dù gia đình, thôn xóm đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị D xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Phạm Thị Thanh D được ly hôn anh Đào Văn T.

3. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Đào Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị Dung tự nguyện kết hôn với anh T năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K, Hải Phòng. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 tháng. Song trong thời gian chung sống, mâu thuẫn phát sinh từ tháng 12 năm 2016 do phong cách sống không phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè và xã hội. Anh T sống không chung thủy, không có trách nhiệm đến cuộc sống chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Gia đình, thôn xóm đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2017, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị D xin ly hôn, còn anh T xin đoàn tụ. Nhưng qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại Ủy ban nhân dân xã K1, Công an xã K1 và gia đình hai bên đương sự đều cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ khoảng tháng 12 năm 2016 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 11 năm 2017, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở chấp nhận; nên xử cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh D được ly hôn anh Đào Văn T.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0012008 ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị D đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Thị Minh Phạm Văn Kho

Nguyễn Đức Hoàng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Kiến Thụy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Kiến Thụy;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Nguyễn Đức Hoàng

